

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N; nơi ĐKKHKT: Thôn VD, xã VQ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn 6, Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức N1; nơi ĐKKHKT: Thôn VD, xã VQ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Vũ Đức N1 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào

ngày 13 tháng 6 năm 2003. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N1 ham chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đầu năm 2018, chị đã đưa các con ra thuê nhà trọ ở riêng, vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không đạt kết quả. Tháng 03/2019, anh N1 sang Đài Loan lao động, sinh sống từ đó cho đến nay. Chị không biết địa chỉ cụ thể của anh N1 ở Đài Loan. Tuy nhiên, anh N1 vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là ông Phạm Mạnh Hùng, địa chỉ: Thôn Vam Dưới, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ông Hùng là chú họ anh N1 vì hiện bố mẹ anh N1 đều đã chết, ông Hùng là người đang trực tiếp chăm sóc hai người em của anh N1 bị nhiễm chất độc hóa học). Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N1 để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Ánh Minh, sinh ngày 14/11/2003; Vũ Ánh Thu, sinh ngày 14/11/2003 và Vũ Hư Trúc, sinh ngày 10/12/2016. Hiện các con chung Vũ Ánh Minh và Vũ Ánh Thu đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không phải nuôi dưỡng. Hiện con chung Vũ Hư Trúc đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con Vũ Hư Trúc, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự thỏa thuận với anh N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Vũ Đức N1:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho chú họ anh Vũ Đức N1 là ông Phạm Mạnh Hùng. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Phạm Mạnh Hùng cung cấp địa chỉ của anh Vũ Đức N1 ở Đài Loan và yêu cầu ông Phạm Mạnh Hùng cho biết kết quả về việc ông đã thông báo cho anh Vũ Đức N1 để gửi lời khai về Tòa án. Lời khai của ông Phạm Mạnh Hùng thể hiện: Anh Vũ Đức N1 vẫn thường xuyên liên lạc với ông nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể anh Vũ Đức N1 ở Đài Loan. Ông **đã thông báo cho anh Vũ Đức N1 về yêu cầu của Tòa án**. Anh Vũ Đức N1 có quan điểm: Anh Vũ Đức N1 đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị N, do anh bận công việc nên anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án. Ông Phạm Mạnh Hùng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 để anh chị được ly hôn, ổn định cuộc sống.

Tại Công văn số 8040/QLXNC-P5 ngày 25/4/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thể hiện: Anh Vũ Đức N1 đã xuất cảnh ngày 07/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 đều vắng mặt và chị Phạm Thị N xin xét xử vắng mặt, không thay đổi lời khai như đã gửi Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn anh Vũ Đức N1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 6 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Về con chung: Chị N và anh N1 có 03 con chung là Vũ Ánh Minh, sinh ngày 14/11/2003; Vũ Ánh Thư, sinh ngày 14/11/2003 và Vũ Hư Trúc, sinh ngày 10/12/2016. Hiện các con chung Vũ Ánh Minh và Vũ Ánh Thư đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không phải nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; đề nghị giao con chung là Vũ Hư Trúc, sinh ngày 10/12/2016 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm Thị N xin tự giải quyết với anh Vũ Đức N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N xin tự giải quyết với anh Vũ Đức N1 về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Vũ Đức N1 có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Đài Loan), nguyên đơn chị Phạm Thị N hiện nay đang sinh sống ở thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 37; điểm **d** khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 đều vắng mặt, chị Phạm Thị N đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Vũ Đức N1: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vũ Đức N1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 6 năm 2003 theo quy định tại **Điều 9, Điều 11** của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đặc biệt là từ thời điểm anh Vũ Đức N1 đi lao động tại Đài Loan (năm 2019). Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng với nhau trong quan điểm sống, thường xuyên xung đột trong gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau trong một khoảng thời gian dài. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Vũ Đức N1.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 có 03 con chung là Vũ Ánh Minh, sinh ngày 14/11/2003; Vũ Ánh Thư, sinh ngày 14/11/2003 và Vũ Hư Trúc, sinh ngày 10/12/2016. Hiện các con Vũ Ánh Minh và Vũ Ánh Thư đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con chung Vũ Hư Trúc: Chị Phạm Thị N có nguyện vọng nuôi cháu Trúc. Xét thấy: Hiện nay, anh Vũ Đức N1 đang sinh sống ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Mặt khác, cháu Trúc đang ở với chị N và còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên yêu cầu này của chị Phạm Thị N là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, do đó cần giao con chung Vũ Hư Trúc cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N xin tự giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung với anh Vũ Đức

N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N xin tự giải quyết về tài sản chung với anh Vũ Đức N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Đức N1.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức N1 có ba con chung là Vũ Ánh Minh, sinh ngày 14/11/2003; Vũ Ánh Thư, sinh ngày 14/11/2003 và Vũ Hư Trúc, sinh ngày 10/12/2016. Các con Vũ Ánh Minh và Vũ Ánh Thư đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không phải nuôi dưỡng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên là Vũ Hư Trúc cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N xin tự giải quyết với anh Vũ Đức N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N xin tự giải quyết về tài sản chung với anh Vũ Đức N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000339 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Vũ Đức N1 (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

